

Hiệp định Tạo thuận lợi vận tải người và hàng hoá qua lại
biên giới giữa các nước Tiểu vùng Mê Kông mở rộng

Greater Mekong Subregion
Cross-Border Transport Facilitation
Agreement



SỔ theo dõi Tạm nhập Phương tiện vận tải
Motor Vehicle
Temporary Admission Document

Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Socialist Republic of Viet Nam

Hiệp định Tạo thuận lợi vận tải người và hàng hoá qua lại
biên giới giữa các nước Tiểu vùng Mê Kông mở rộng

Greater Mekong Subregion
Cross-Border Transport Facilitation
Agreement



Số theo dõi Tạm nhập Phương tiện vận tải
Motor Vehicle
Temporary Admission Document

Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Socialist Republic of Viet Nam

Bộ Giao thông vận tải
Ministry of Transport

Specimen - not for Official Use

Số Số TAD No. _____

Số Giấy phép vận tải đường bộ GMS: _____

GMS Road Transport Permit No. _____

Sở theo dõi Tạm nhập Phương tiện vận tải

Tiểu vùng Mê Kông mở rộng

Greater Mekong Subregion

Motor Vehicle

Temporary Admission Document (TAD)

Phương tiện Type of Vehicle:

Phương tiện vận tải hành khách Passenger Transport Vehicle

Phương tiện vận tải hàng hoá Goods Transport Vehicle

Số đăng ký xe (Năm sản xuất)

Vehicle Registration Number/Year of Production

Số đăng ký Sơ-mi rơ moóc (dùng với phương tiện chính)

Semi-Trailer Registrations Numbers (For Use With The Main Vehicle)

| | | |
|----|----|----|
| 1. | 2. | 3. |
| 4. | 5. | 6. |

Ký hiệu phân biệt Distinguishing Sign

VN

Đặc điểm phương tiện

Particulars of the Vehicle

1. Thông số kỹ thuật Technical Data

Loại phương tiện Vehicle Category _____

Thương hiệu Brand _____

Đời xe Model _____

Màu sắc Colour _____

Vị trí Tay lái Steering Wheel Trái Left Phải Right

Số máy Engine No. _____

Số khung Chassis No. _____

Kích thước Dimensions

Rộng _____ mm, Dài _____ mm, Cao _____ mm

Width _____ mm, Length _____ mm, Height _____ mm

Số chỗ ngồi Number of Seats _____

Khối lượng toàn bộ tối đa Maximum Gross Weight _____

Khối lượng bản thân Net Weight _____

Giá trị phương tiện (bằng nội tệ tại thời điểm cấp tờ khai)

Vehicle Value (in Local Currency at Time of TAD Issuance) _____

2. Phụ tùng và thiết bị bổ sung (nếu có) *

Additional Articles and Equipment (if Any) *

Phụ tùng Spare Parts

Vật tư bảo dưỡng Maintenance Supplies

Phụ kiện khác Others

* Theo số lượng phù hợp. Đánh dấu vào ô.

In reasonable quantities. Please tick.

3. Dữ liệu bổ sung Additional Data

Tên Doanh nghiệp/chủ sở hữu phương tiện

Name of Company/Vehicle Owner

Số điện thoại di động Mobile Phone

Địa chỉ Address:

Đường/phố Street

Thành phố City

Quận/huyện County (District)

Tỉnh Province

Tôi, _____ [Họ và tên] ký tên
dưới đây, là chủ phương tiện và/hoặc đại diện được uỷ quyền
hợp pháp của _____ [Công ty]
cam kết tôn trọng pháp luật và quy định của Nước chủ nhà,
bao gồm việc hoàn thành chứng từ tạm nhập đúng hạn. Tôi
nhận thức rõ nếu không thực hiện được cam kết trên, tôi và/
hoặc công ty của tôi sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm thanh
toán các phí, thuế, tiền phạt và lãi suất hải quan tại Nước
chủ nhà.

I undersigned _____ [Full Name] as
the vehicle owner and/or legally authorised representative of
_____ [Company]
undertake to respect the laws and regulations of the Host
country, including the timely discharge of the TAD. I understand
that failure to do so make me and/or my company liable for the
payment of Customs duties, taxes, fines, and interest in the Host
country.

Làm tại _____ Ngày _____
Done At _____ Date _____

Chữ ký
Signature

4. Có giá trị đến

Valid Until

Cấp tại

Done At

Ngày

Date

Chữ ký và dấu của cơ quan cấp phép

Signature and Seal of Issuing Authority

Gia hạn thời gian lưu hành

Extension of Validity

Có giá trị đến

Valid Until

Cấp tại

Done At

Ngày

Date

Chữ ký và dấu của cơ quan gia hạn

Signature and Seal of Issuing Authority

Giới thiệu

Introduction

1. Theo Điều 18 và Phụ lục 8 của Hiệp định GMS CBTA (gọi tắt là “Hiệp định”), Sổ theo dõi Tạm nhập Phương tiện vận tải này (TAD) cho phép phương tiện đã đăng ký được hoạt động vận tải qua biên giới dọc theo các hành lang, tuyến đường và các điểm nhập/xuất cảnh được quy định tại Nghị định thư số 1 của Hiệp định.

In accordance with Article 18 and Annex 8 of the GMS CBTA (the “Agreement”), this Motor Vehicle Temporary Admission Document (TAD) allows the registered vehicle to operate cross-border transport along the corridors, routes and points of entry and exit designated in Protocol 1 of the GMS CBTA.

2. Nghiêm cấm tẩy xóa, bổ sung hoặc giả mạo bất kỳ điều khoản nào trong sổ này; các vi phạm như vậy sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

It is prohibited to erase, add or falsify any terms specified in this TAD. Such offences shall be prosecuted.

3. Trong trường hợp đánh mất sổ này, người có tên trên sổ phải thông báo kịp thời cho cơ quan chức năng gần nhất của Nước chủ nhà. Cơ quan cấp phép của Nước xuất phát gốc phải được thông báo kịp thời.

In case of loss of this TAD, the holder shall immediately inform the nearest competent authorities of the Host country. The issuing authority of the Home country shall be notified in due course.

4. Sổ này chỉ sử dụng cho phương tiện đã được ghi trong sổ và phải được gia hạn trước ngày hết hạn một tháng.

This TAD shall be used for the specified vehicle only and shall be renewed one month before the expiry date.

5. Phương tiện được cấp phép phải mang theo sổ này, để cơ quan Hải quan của Nước chủ nhà kiểm tra và đóng dấu cho từng hoạt động vận tải qua biên giới. Sổ này phải được mang theo cùng phương tiện và xuất trình cho cơ quan có thẩm quyền của các Bên tham gia Hiệp định GMS CBTA khi được yêu cầu.

The permitted vehicle shall carry this TAD, which is subject to inspection and stamping for each cross-border transport operation by the Host country Customs authorities. This TAD shall be carried in the vehicle and produced to the competent authorities of GMS CBTA Contracting Parties upon request.

6. Ngày tháng và các điểm xuất/nhập cảnh phải được ghi nhận trên các trang tiếp theo trang này, được cơ quan Hải quan của Nước chủ nhà ký và đóng dấu, bao gồm cả thời gian gia hạn được cơ quan chức năng cho phép, tối đa là 30 ngày để hoàn thành hoạt động vận tải qua biên giới, trong trường hợp bất khả kháng hoặc có lý do hợp lý khác.

Dates and points of exit and entry shall be recorded on the pages that follow, signed and stamped by the Host country Customs authorities, including any extensions granted by these authorities to the 30-day time limit for completion of

the cross-border transport operation, caused by force majeure or other reasonable cause.

7. Trong trường hợp xảy ra vi phạm (Ví dụ: vi phạm pháp luật và quy định Hải quan của Nước chủ nhà, không có phần ứng hoặc không hoàn thành chứng từ tạm nhập đúng hạn), thì Chủ phương tiện/công ty có tên trong Phần 3 của sổ này sẽ chịu trách nhiệm thanh toán các phí, thuế, tiền phạt và lãi suất cho cơ quan Hải quan của Nước chủ nhà.

In case of any irregularity (e.g., breach of Host country Customs laws and regulations, lack of response, or lack of timely discharge of the TAD) the Company/Vehicle Owner listed in Section 3 of the TAD shall be liable for payment of duties, taxes, fines, and interest owed to the Host country Customs authorities.

Sổ này gồm có 60 trang, không kể trang bìa

This Permit Contains 60 Pages Excluding the Cover

Hồ sơ hoạt động RECORD

Đến (ngày, nơi đến)

Đi (ngày, nơi đi)

Arrival (date, point of entry)

Departure (date, point of exit)

Specimen - not for Official Use

Specimen - not for Official Use